

MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA AU480

Hãng sản xuất: Beckman Coulter

Hệ thống xét nghiệm sinh hóa AU480

AU480 không chỉ là máy xét nghiệm sinh hóa lý tưởng cho các phòng xét nghiệm và bệnh viện mà còn là thiết bị phù hợp để thực hiện các xét nghiệm đặc biệt hoặc các xét nghiệm cấp cứu cho các cơ sở lớn. Với công suất đạt đến 400 xét nghiệm sinh hóa một giờ (đạt đến 800 với xét nghiệm nếu kèm điện giải), số lượng xét nghiệm chạy đồng thời lớn, thể tích hút mẫu phẩm nhỏ, thao tác vận hành đơn giản, hệ thống AU480 giúp nâng cao hiệu quả làm việc cho các phòng xét nghiệm khắp nơi trên thế giới.

Nhỏ gọn - tin cậy – kinh tế

- Giao diện đồ họa trực quan, đồng bộ với các máy khác trong dòng AU
 - Theo dõi tình trạng từng mẫu bệnh phẩm
 - Thống kê số liệu bệnh nhân
 - Danh mục xét nghiệm được cài đặt theo nhu cầu của người sử dụng
 - Cảnh báo bằng màu sắc tình trạng hoạt động của máy
- Hệ thống AU đã chứng tỏ tính tin cậy trong thời gian dài hoạt động nhờ việc thay thế linh kiện nhanh chóng và dễ dàng:
 - Không cần sử dụng công cụ hỗ trợ
 - Tối đa 3 bước, mỗi bước tối đa 60 giây cho mỗi loại (kim hút hóa chất, kim hút bệnh phẩm, que khuấy, xi lanh)
 - Video hướng dẫn bảo dưỡng trực tuyến
- 22 vị trí được giữ lạnh trên khay cấp cứu. Tính năng chạy mẫu cấp cứu chỉ với 1 thao tác nhấn nút STAT, cùng khả năng hiệu chuẩn và QC tự động
- Cuvette làm bằng thủy tinh vĩnh cửu chất lượng cao giúp giảm thiểu chi phí tiêu hao
- Lượng mẫu nhỏ với độ chính xác cao
- Bộ điện giải có độ ổn định dài và tuổi thọ cao; dễ dàng bảo trì (thay thế từng điện cực riêng biệt)
- Nạp đồng thời 80 mẫu, cho phép nạp mẫu liên tục khi đang vận hành

Đặc tính kỹ thuật của hệ thống sinh hóa AU480

Hệ thống phân tích

Hệ thống sinh hóa truy cập ngẫu nhiên tự động hoàn toàn với khả năng chạy cấp cứu

Nguyên lý phân tích

Sử dụng nguyên lý đo quang và điện cực chọn lọc

Loại xét nghiệm

Phân tích điểm cuối, động học, động học 2 điểm, điện cực chọn lọc gián tiếp (ISE)

Phương pháp phân tích

So màu, đo độ đục, phản ứng ngưng kết latex, miễn dịch gắn enzyme, điện cực chọn lọc gián tiếp (ISE)

Danh mục xét nghiệm: 125**Số xét nghiệm lập trình được: 120**

Đo quang: 113, đánh giá chất lượng huyết thanh (LIH), HbA1c (Thb, HbA1c + HbA1c%) và điện giải

Số xét nghiệm chạy đồng thời

60 xét nghiệm quang + 3 xét nghiệm điện giải (Na, K, Cl)

Tốc độ xét nghiệm

400 xét nghiệm quang/giờ, lên đến 800 xét nghiệm/giờ nếu kèm điện giải

Khối điện giải tốc độ 200 mẫu/giờ

Tối đa 600 xét nghiệm điện giải/giờ nếu chạy riêng điện giải

Loại mẫu

Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và các loại dịch khác

Khả năng chứa mẫu

Giá mẫu có 10 vị trí (có mã vạch trên ống chính và trên giá)

Tối đa 80 mẫu, nạp mẫu liên tục

Khay cấp cứu được giữ lạnh có thể thực hiện đồng thời 22 mẫu bao gồm cả Calib, QC và mẫu thường quy

Ống mẫu

Ống ban đầu và ống thứ cấp: đường kính từ 11,5 đến 16mm; chiều cao từ 55 đến 102mm

Cốc mẫu nhỏ

Thể tích mẫu

Từ 1,0 – 25 μ L (điều chỉnh từng bước 0,1 μ L)

Phân tích chất lượng mẫu

Hiện thị chất lượng huyết thanh (mỡ máu, tan máu, huyết thanh vàng)

Cơ chế phát hiện tắc và chống va chạm kim hút

Định dạng mã vạch trên mẫu

NW7, CODE 39, CODE 128, ISBT-128, 2 of 5 standard, 2 of 5 interleaved

Có thể định dạng nhiều loại một lúc (tối đa 4 loại cùng một thời điểm) trừ khi sử dụng ISBT-128

Khay hóa chất

76 vị trí được làm lạnh từ 4°C – 12°C (vị trí R1 + R2, dung dịch rửa)

Kích cỡ lọ: 15mL, 30mL, 60mL

Thể tích hóa chất

R1: 10-250 µL, R2: 10-250 µL (điều chỉnh từng bước 1 µL)

Tổng thể tích phản ứng

90 – 350 µL

Cuvette phản ứng

Cuvette thủy tinh vĩnh cửu

Thời gian phản ứng

Tối đa 8 phút 38 giây

Nhiệt độ phản ứng

37°C

Phương pháp phản ứng

Ủ nước cách ly

Giới hạn O.D.

Từ 0 – 3,0 O.D.

Bước sóng

13 bước sóng khác nhau trải dài từ 340 – 800nm

Hiệu chuẩn

Tự động hiệu chuẩn, hiệu chuẩn nâng cao, vị trí đặt chất chuẩn được làm lạnh, đường chuẩn mặc định được xác định bởi mã vạch 2 chiều

Có khả năng cài đặt được 200 loại chất chuẩn

Lưu trữ đồ thị hiệu chuẩn đã được thực hiện

QC nội kiểm tra

Tuân theo luật Westgard, Twin Plot và đồ thị Levey Jennings, tự động QC, có vị trí trữ lạnh cho QC

DS-13184D

Có khả năng lập trình được 100 loại QC
10 mức cho mỗi xét nghiệm

Xét nghiệm tham chiếu

Cài đặt theo yêu cầu của người sử dụng

Tự động pha loãng mẫu

Tự động chạy lại tăng/giảm thể tích mẫu hoặc tiền pha loãng mẫu (tỷ lệ 3, 5, 10, 15, 20, 25, 50, 75, tới 100 lần)

Kết nối trực tuyến

Trao đổi thông tin với máy chủ theo một hoặc hai chiều

Hệ điều hành

Windows XP

Lưu dữ liệu

Lưu trữ kết quả của 100.000 bệnh phẩm và đường phản ứng của 200.000 xét nghiệm

Yêu cầu về lắp đặt

Kích thước và trọng lượng

57 x 48 x 30 inch (1.450 x 1.205 x 770 mm)

Máy chính: 926 lbs (420 kg)

Điện năng sử dụng

100V, 200V, 208V, 220V, 230V, 240V

50Hz, 60Hz, <3,5kVA

Thông tin về nguồn nước sử dụng

Lượng nước tiêu thụ trung bình: 20 lít/giờ

Loại nước: CAP khử i-on loại II, tiệt trùng

Nhiệt độ và độ ẩm

18 đến 32°C, 40% đến 80% RH (không ngưng tụ)

Yêu cầu về ống thoát nước

Thiết bị có sẵn ống thải, yêu cầu ống dẫn thải cách mặt sàn tối đa 1,5m (59 inch)

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DỊCH VỤ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ AN

Địa chỉ : 339/60 Tô Hiến Thành , Phường 12, Quận 10 , TP.Hồ Chí Minh . Điện thoại: **0901678968 - 0911 678 968**

Văn phòng chi nhánh Hà Nội:

1. Mr Trung - Kinh doanh: 0975.936.313
2. Mrs Trang- Kinh doanh: 03555.24.886

Văn phòng Hồ Chí Minh:

1. Mrs Vân - Kế toán Thủ: 0981434363
2. Mrs Sáu - Kế toán: 0934.347.363
3. Mrs Trang - Kế toán bán hàng: 0906.957.318
4. Mrs Ngọc - Kế toán bán hàng: 0388.092.072
5. Mrs Cẩm - Kế toán bán hàng: 0962.747.494

Email: thietbiytephuan.vn@gmail.com

Website: <https://ytegiadinhh24h.vn/>

VP : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ PHÚ AN

ĐC: **339/60 Tô Hiến Thành , Phường 12, Quận 10 , TP.Hồ Chí Minh**
MST : **0312692797**